BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Bảo hiểm
Mã số: 7340204
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng đối với khóa 18)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh tế, tài chính, bảo hiểm cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực bảo hiểm trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành bảo hiểm để thiết kế, vận hành, cải tiến hoạt động bảo hiểm đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các đơn vị kinh tế, doanh nghiệp bảo hiểm phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.

PO3: Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả; đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng và số hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động bảo hiểm.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành bảo hiểm; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo hiểm có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tại các đơn vị, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình nghiệp vụ chuyên môn ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm trong các đơn vị, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thị trường tài chính trong bối cảnh của chung của nền kinh tế	**3**
		PI 2.1: Áp dụng các kiến thức lý thuyết chung về kinh tế, tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ… để giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn nền kinh tế thị trường.	3
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành bảo hiểm để phân tích, đánh giá tình hình kinh tế và thị trường.	3
3	**PLO3**	Áp dụng các kiến thức chuyên ngành chung về tài chính bảo hiểm trong thực hiện các hoạt động nghề nghiệp	**3**
		PI 3.1: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành chung về tài chính, bảo hiểm để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong các doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm	3
		PI 3.2: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành chung về tài chính, bảo hiểm để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội an sinh xã hội, bảo hiểm thương mại trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm xã hội…	3
4		**Định hướng đào tạo: Tài chính bảo hiểm (modul 1)**	

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
	PLO4.01	Tổng hợp, phân tích số liệu tài chính, đánh giá và cải tiến hoạt động tài chính, bảo hiểm một cách có hiệu quả.	**4**
		PI 4.1.01: Phân tích, đánh giá số liệu tài chính, báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm để đưa ra các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định quản lý.	4
		PI 4.2.01: Đề xuất cải tiến hoạt động tài chính, bảo hiểm trong doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm, một cách có hiệu quả.	4
		Định hướng đào tạo: Định phí bảo hiểm (modul 2)	
	PLO4.02	Tổng hợp, phân tích số liệu rủi ro, đánh giá và cải tiến hoạt động định phí bảo hiểm một cách có hiệu quả.	**4**
		PI 4.1.02: Phân tích dữ liệu về tổn thất, định phí bảo hiểm, điều chỉnh phí bảo hiểm để đảm bảo tính bền vững tài chính cho các công ty bảo hiểm.	4
		PI 4.2.02: Đánh giá, cải tiến hoạt động định phí bảo hiểm trong doanh nghiệp, đơn vị một cách có hiệu quả.	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, bảo hiểm để thực hiện	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		và tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh doanh bảo hiểm, bảo hiểm xã hội.	
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Phân tích, kiểm tra, đánh giá các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế bảo hiểm	**3**
		PI 8.1: Vận dụng các kiến thức chung về tài chính, ngân hàng để phân tích các nghiệp vụ trong các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức kinh tế…	3
		PI 8.2: Vận dụng các kiến thức chung về bảo hiểm để đánh giá, phân tích, kiểm tra, rà soát, quản trị các nghiệp vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức, tổ chức kinh tế…	3
9	**PLO9**	Phối hợp thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực bảo hiểm, xây dựng được các báo cáo liên quan đến công tác chuyên môn có tính logic, hợp lý, hiệu quả.	**3**
		PI 9.1: Phối hợp triển khai, phân tích, theo dõi đánh giá tình hình và hoạt động kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tín dụng trong lĩnh vực kinh tế bảo hiểm	3
		PI 9.2: Xây dựng các báo cáo liên quan đến công tác chuyên môn có tính logic, hợp lý, hiệu quả.	3
		Định hướng đào tạo: Tài chính bảo hiểm (modul 1)	
10	**PLO10.01**	Thiết lập và quản lý các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tài chính bảo hiểm, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tài chính bảo hiểm.	**4**
		PI 10.1.01: Thiết lập và quản lý hợp đồng bảo hiểm, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, quản lý quỹ đầu tư, tổ chức công tác kế toán và lập các báo cáo tài chính, đánh giá tình hình tài chính và phân tích những vấn đề đặc thù	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		trong cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	
		PI 10.2.01: Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4
		Định hướng đào tạo: Định phí bảo hiểm (modul 2)	
	PLO10.02	Kết hợp kỹ năng phân tích tổng hợp và tư duy hệ thống để giải quyết các vấn đề cụ thể: mô hình hoá các dữ liệu phức tạp nhằm mục đích xác định xu thế và đánh giá rủi ro; đưa ra các bước cần thực hiện để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của rủi ro…	**4**
		PI 10.1.02: Mô hình hoá các dữ liệu phức tạp nhằm mục đích xác định xu thế và đánh giá rủi ro trong hoạt động bảo hiểm.	4
		PI 10.2.02: Đề xuất các giải pháp để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của rủi ro trong hoạt động bảo hiểm.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI 12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Bảo hiểm có thể đảm nhiệm công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm, các tổ chức tín dụng, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp hỗ trợ bảo hiểm, các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài nước.

- ***Tại các công ty bảo hiểm:***

Vị trí: Tư vấn viên bảo hiểm, chuyên viên tư vấn tài chính, chuyên viên giám định bảo hiểm, chuyên viên giám sát, nhân viên phát triển sản phẩm bảo hiểm, nhân viên quản trị rủi ro và bảo hiểm, Đại diện dịch vụ khách hàng, Chuyên viên giám định tổn thất; Giám định bồi thường, Chuyên viên giải quyết quyền lợi bảo hiểm, Chuyên viên định phí bảo hiểm, Thẩm định bảo hiểm

- ***Tại khối các các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm như***: Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp;

Vị trí: Chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm…và các vị trí chuyên môn khác về kinh tế, tài chính, bảo hiểm.

- ***Tại các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng:*** Công ty bảo hiểm, Ngân hàng thương mại; Quỹ tín dụng, công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty tài chính; …và các tổ chức tài chính quốc tế…

Vị trí: chuyên viên định phí bảo hiểm, chuyên viên giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chuyên viên thẩm định bảo hiểm, chuyên viên quan hệ khách hàng, quản lý rủi ro, giám định tổn thất, giám định bồi thường, ...

- ***Tại khối các doanh nghiệp:*** Công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia…

Vị trí: chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm...

- ***Tại khối các cơ quan nghiên cứu, tư vấn:*** học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các trung tâm tư vấn tài chính độc lập…

Vị trí: giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia, tư vấn viên…

- Trên thị trường tài chính - tiền tệ trong nước và quốc tế: Chuyên gia tài chính, nhà môi giới, chuyên gia phân tích rủi ro, Nhà đầu tư cá nhân…

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học;

Có khả năng học tiếp thuận tiện các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**											
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về các nghiệp vụ bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm, thị trường bảo hiểm, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực bảo hiểm trong bối cảnh nền kinh tế số.	x											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của bảo hiểm để thực hiện, thiết kế, vận hành, đánh giá/cải tiến hoạt động bảo hiểm đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các đơn vị kinh tế, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.		x	x	x								
PO3	Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả; đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng và số hóa.					x	x	x					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động bảo hiểm.								x	x	x		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành bảo hiểm; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học											x	x

	suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.												

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *50 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *39 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *9 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x

000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
002378	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
001102	2. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002337	2. Kỹ năng nghề nghiệp – Bảo hiểm	TCNH&BH	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
002969	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		

	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**23**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		**16**		
000564	Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000681	Lý thuyết hạch toán kế toán	KT-KT	3	(39, 12, 90)	x
001109	Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001957	Nguyên lý bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001717	Kế toán doanh nghiệp	KT-KT	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 7TC trong các học phần)		**7**		
000568	Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000567	Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001153	Quản trị doanh nghiệp	QT-Mar	3	(39, 12, 90)	x
003384	Pháp luật kinh doanh quốc tế	TCNH&BH	2	(26, 8, 60)	
001601	Quản trị rủi ro	QT-Mar	3	(39, 12, 90)	
003386	Kinh tế quốc tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
000484	Marketing căn bản	QT-Mar	2	(26, 8, 60)	
001666	Kế toán quản trị	KT-KT	3	(39, 12, 90)	
000493	Quản trị học	QT-Mar	2	(26, 8, 60)	
002440	Kinh doanh quốc tế	QTKD	3	(39, 12, 90)	
001715	Hệ thống thông tin quản lý	QT-Mar	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**49**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**34**		
000531	Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
000524	Ngân hàng thương mại	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001394	Thực hành Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
001112	Thực hành Ngân hàng thương mại	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
000913	Tiểu luận 1	TCNH&BH	2	(0, 60, 60)	x
002338	An sinh xã hội	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001583	Bảo hiểm xã hội	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x

002339	Bảo hiểm nhân thọ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002343	Thực hành Bảo hiểm nhân thọ	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
001588	Bảo hiểm thương mại	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002341	Phân tích tài chính doanh nghiệp BH	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001594	Tiểu luận 2	TCNH&BH	2	(0, 60, 60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 15TC trong các học phần)		**15**		
001393	Thị trường chứng khoán	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
000533	Tài chính quốc tế	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002346	Tái bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003486	Tiếng Anh chuyên ngành-BH	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003390	Bảo hiểm tiền gửi	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002342	Bảo hiểm hàng hải	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003391	Văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh ngành bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002340	Bảo hiểm phi nhân thọ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003392	Bảo hiểm y tế	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003393	Bảo hiểm thất nghiệp	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003394	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003395	Pháp luật an sinh xã hội	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Modun)*				
	2.3.1. ***Modun 1: Tài chính bảo hiểm***		***26***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		9		
002345	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001586	Thực hành Bảo hiểm thương mại	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
002344	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
002352	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003396	Giám định và bồi thường bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	

003488	Quản trị rủi ro tài chính trong DN Bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003389	Tài chính cá nhân	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
001577	Quản lý danh mục đầu tư	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003397	Phân tích và dự báo	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002349	**Thực Tập Cuối Khóa - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**5**	(0, 300, 0)	x
002350	**Khóa luận tốt nghiệp - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**9**	(0, 540, 0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		**9**		
003398	1. Chuyên đề Tài chính bảo hiểm 1	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003399	2. Chuyên đề Tài chính bảo hiểm 2	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003400	3. Chuyên đề Tài chính bảo hiểm 3	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
	*2.3.2. **Modun 2: Định phí bảo hiểm***		***26***		
	2.3.2.1. Kiến thức bắt buộc		9		
002348	Quản trị rủi ro bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003401	Định giá và dự phòng trong bảo hiểm ngắn hạn	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002347	Thực hành Bảo hiểm xã hội	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
	2.3.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
001584	Định phí bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003396	Giám định và bồi thường bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002352	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003402	Toán cho định phí bảo hiểm và quản trị rủi ro	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003403	Các mô hình tổn thất trong bảo hiểm ngắn hạn	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002349	**Thực Tập Cuối Khóa - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**5**	(0, 300, 0)	x
002350	**Khóa luận tốt nghiệp - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**9**	(0, 540, 0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		**9**		
003404	1. Chuyên đề Định phí bảo hiểm 1	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003405	2. Chuyên đề Định phí bảo hiểm 2	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003406	3. Chuyên đề Định phí bảo hiểm 3	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:

- Nghỉ tết: 2 tuần.
- Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

o Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Bảo hiểm
Mã số: 7340204
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng đối với khóa 19)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh tế, tài chính, bảo hiểm cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực bảo hiểm trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành bảo hiểm để thiết kế, vận hành, cải tiến hoạt động bảo hiểm đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các đơn vị kinh tế, doanh nghiệp bảo hiểm phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.

PO3: Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả; đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng và số hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động bảo hiểm.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành bảo hiểm; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo hiểm có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tại các đơn vị, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình nghiệp vụ chuyên môn ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm trong các đơn vị, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thị trường tài chính trong bối cảnh của chung của nền kinh tế	**3**
		PI 2.1: Áp dụng các kiến thức lý thuyết chung về kinh tế, tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ… để giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn nền kinh tế thị trường.	3
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành bảo hiểm để phân tích, đánh giá tình hình kinh tế và thị trường.	3
3	**PLO3**	Áp dụng các kiến thức chuyên ngành chung về tài chính bảo hiểm trong thực hiện các hoạt động nghề nghiệp	**3**
		PI 3.1: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành chung về tài chính, bảo hiểm để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong các doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm	3
		PI 3.2: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành chung về tài chính, bảo hiểm để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội an sinh xã hội, bảo hiểm thương mại trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm xã hội…	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
4		**Định hướng đào tạo: Tài chính bảo hiểm (modul 1)**	
	PLO4.01	Tổng hợp, phân tích số liệu tài chính, đánh giá và cải tiến hoạt động tài chính, bảo hiểm một cách có hiệu quả.	**4**
		PI 4.1.01: Phân tích, đánh giá số liệu tài chính, báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm để đưa ra các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định quản lý.	4
		PI 4.2.01: Đề xuất cải tiến hoạt động tài chính, bảo hiểm trong doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm, một cách có hiệu quả.	4
		Định hướng đào tạo: Định phí bảo hiểm (modul 2)	
	PLO4.02	Tổng hợp, phân tích số liệu rủi ro, đánh giá và cải tiến hoạt động định phí bảo hiểm một cách có hiệu quả.	**4**
		PI 4.1.02: Phân tích dữ liệu về tổn thất, định phí bảo hiểm, điều chỉnh phí bảo hiểm để đảm bảo tính bền vững tài chính cho các công ty bảo hiểm.	4
		PI 4.2.02: Đánh giá, cải tiến hoạt động định phí bảo hiểm trong doanh nghiệp, đơn vị một cách có hiệu quả.	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, bảo hiểm để thực hiện và tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh doanh bảo hiểm, bảo hiểm xã hội.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Phân tích, kiểm tra, đánh giá các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế bảo hiểm	**3**
		PI 8.1: Vận dụng các kiến thức chung về tài chính, ngân hàng để phân tích các nghiệp vụ trong các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức kinh tế…	3
		PI 8.2: Vận dụng các kiến thức chung về bảo hiểm để đánh giá, phân tích, kiểm tra, rà soát, quản trị các nghiệp vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức, tổ chức kinh tế…	3
9	**PLO9**	Phối hợp thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực bảo hiểm, xây dựng được các báo cáo liên quan đến công tác chuyên môn có tính logic, hợp lý, hiệu quả.	**3**
		PI 9.1: Phối hợp triển khai, phân tích, theo dõi đánh giá tình hình và hoạt động kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tín dụng trong lĩnh vực kinh tế bảo hiểm	3
		PI 9.2: Xây dựng các báo cáo liên quan đến công tác chuyên môn có tính logic, hợp lý, hiệu quả.	3
		Định hướng đào tạo: Tài chính bảo hiểm (modul 1)	
10	**PLO10.01**	Thiết lập và quản lý các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tài chính bảo hiểm, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tài chính bảo hiểm.	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 10.1.01: Thiết lập và quản lý hợp đồng bảo hiểm, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, quản lý quỹ đầu tư, tổ chức công tác kế toán và lập các báo cáo tài chính, đánh giá tình hình tài chính và phân tích những vấn đề đặc thù trong cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	4
		PI 10.2.01: Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4
		Định hướng đào tạo: Định phí bảo hiểm (modul 2)	
	PLO10.02	Kết hợp kỹ năng phân tích tổng hợp và tư duy hệ thống để giải quyết các vấn đề cụ thể: mô hình hoá các dữ liệu phức tạp nhằm mục đích xác định xu thế và đánh giá rủi ro; đưa ra các bước cần thực hiện để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của rủi ro…	**4**
		PI 10.1.02: Mô hình hoá các dữ liệu phức tạp nhằm mục đích xác định xu thế và đánh giá rủi ro trong hoạt động bảo hiểm.	4
		PI 10.2.02: Đề xuất các giải pháp để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của rủi ro trong hoạt động bảo hiểm.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Bảo hiểm có thể đảm nhiệm công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm, các tổ chức tín dụng, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp hỗ trợ bảo hiểm, các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài nước.

- ***Tại các công ty bảo hiểm:***

Vị trí: Tư vấn viên bảo hiểm, chuyên viên tư vấn tài chính, chuyên viên giám định bảo hiểm, chuyên viên giám sát, nhân viên phát triển sản phẩm bảo hiểm, nhân viên quản trị rủi ro và bảo hiểm, Đại diện dịch vụ khách hàng, Chuyên viên giám định tổn thất; Giám định bồi thường, Chuyên viên giải quyết quyền lợi bảo hiểm, Chuyên viên định phí bảo hiểm, Thẩm định bảo hiểm

- ***Tại khối các các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm như***: Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp;

Vị trí: Chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm…và các vị trí chuyên môn khác về kinh tế, tài chính, bảo hiểm.

- ***Tại các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng:*** Công ty bảo hiểm, Ngân hàng thương mại; Quỹ tín dụng, công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty tài chính; …và các tổ chức tài chính quốc tế…

Vị trí: chuyên viên định phí bảo hiểm, chuyên viên giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chuyên viên thẩm định bảo hiểm, chuyên viên quan hệ khách hàng, quản lý rủi ro, giám định tổn thất, giám định bồi thường, ...

- ***Tại khối các doanh nghiệp:*** Công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia…

Vị trí: chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm...

- ***Tại khối các cơ quan nghiên cứu, tư vấn:*** học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các trung tâm tư vấn tài chính độc lập…

Vị trí: giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia, tư vấn viên…

- Trên thị trường tài chính - tiền tệ trong nước và quốc tế: Chuyên gia tài chính, nhà môi giới, chuyên gia phân tích rủi ro, Nhà đầu tư cá nhân…

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học;

Có khả năng học tiếp thuận tiện các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**											
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về các nghiệp vụ bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm, thị trường bảo hiểm, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực bảo hiểm trong bối cảnh nền kinh tế số.	x											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của bảo hiểm để thực hiện, thiết kế, vận hành, đánh giá/cải tiến hoạt động bảo hiểm đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các đơn vị kinh tế, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.		x	x	x								

PO3	Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả; đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng và số hóa.					x	x	x					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động bảo hiểm.								x	x	x		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành bảo hiểm; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *50 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *39 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *9 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình

độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
002378	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
001102	2. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002337	2. Kỹ năng nghề nghiệp – Bảo hiểm	TCNH&BH	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	

002969	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHUD	1	(15, 0, 30)	
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**23**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		**16**		
000564	Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000681	Lý thuyết hạch toán kế toán	KT-KT	3	(39, 12, 90)	x
001109	Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001957	Nguyên lý bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001717	Kế toán doanh nghiệp	KT-KT	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 7TC trong các học phần)		**7**		
000568	Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000567	Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001153	Quản trị doanh nghiệp	QT-Mar	3	(39, 12, 90)	x
003384	Pháp luật kinh doanh quốc tế	TCNH&BH	2	(26, 8, 60)	
001601	Quản trị rủi ro	QT-Mar	3	(39, 12, 90)	
003386	Kinh tế quốc tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
000484	Marketing căn bản	QT-Mar	2	(26, 8, 60)	
001666	Kế toán quản trị	KT-KT	3	(39, 12, 90)	
000493	Quản trị học	QT-Mar	2	(39, 12, 90)	
002440	Kinh doanh quốc tế	QTKD	3	(26, 8, 60)	

001715	Hệ thống thông tin quản lý	QT-Mar	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**49**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**34**		
000531	Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
000524	Ngân hàng thương mại	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001394	Thực hành Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
001112	Thực hành Ngân hàng thương mại	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
000913	Tiểu luận 1	TCNH&BH	2	(0, 60, 60)	x
002338	An sinh xã hội	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001583	Bảo hiểm xã hội	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002339	Bảo hiểm nhân thọ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002343	Thực hành Bảo hiểm nhân thọ	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
001588	Bảo hiểm thương mại	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002341	Phân tích tài chính doanh nghiệp BH	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001594	Tiểu luận 2	TCNH&BH	2	(0, 60, 60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 15TC trong các học phần)		**15**		
001393	Thị trường chứng khoán	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
000533	Tài chính quốc tế	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003486	Tiếng Anh chuyên ngành-BH	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002346	Tái bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003390	Bảo hiểm tiền gửi	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002342	Bảo hiểm hàng hải	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003391	Văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh ngành bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002340	Bảo hiểm phi nhân thọ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003392	Bảo hiểm y tế	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003393	Bảo hiểm thất nghiệp	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003394	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003395	Pháp luật an sinh xã hội	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Modun)*				
	2.3.1. ***Modun 1: Tài chính bảo hiểm***		***26***		

	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		9		
002345	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001586	Thực hành Bảo hiểm thương mại	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
002344	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
002352	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003396	Giám định và bồi thường bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003488	Quản trị rủi ro tài chính trong DN Bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003389	Tài chính cá nhân	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
001577	Quản lý danh mục đầu tư	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003397	Phân tích và dự báo	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002349	**Thực Tập Cuối Khóa - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**5**	(0, 300, 0)	x
002350	**Khóa luận tốt nghiệp - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**9**	(0, 540, 0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		**9**		
003398	1. Chuyên đề Tài chính bảo hiểm 1	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003399	2. Chuyên đề Tài chính bảo hiểm 2	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003400	3. Chuyên đề Tài chính bảo hiểm 3	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
	2.3.2. ***Modun 2: Định phí bảo hiểm***		***26***		
	2.3.2.1. Kiến thức bắt buộc		9		
002348	Quản trị rủi ro bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003401	Định giá và dự phòng trong bảo hiểm ngắn hạn	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002347	Thực hành Bảo hiểm xã hội	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
	2.3.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
001584	Định phí bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003396	Giám định và bồi thường bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002352	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003402	Toán cho định phí bảo hiểm và quản trị rủi ro	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003403	Các mô hình tổn thất trong bảo hiểm ngắn hạn	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002349	**Thực Tập Cuối Khóa - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**5**	(0, 300, 0)	x
002350	**Khóa luận tốt nghiệp - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**9**	(0, 540, 0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		**9**		

003404	1. Chuyên đề Định phí bảo hiểm 1	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003405	2. Chuyên đề Định phí bảo hiểm 2	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003406	3. Chuyên đề Định phí bảo hiểm 3	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Bảo hiểm
Mã số: 7340204
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng từ khóa 20)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh tế, tài chính, bảo hiểm cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực bảo hiểm trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành bảo hiểm để thiết kế, vận hành, cải tiến hoạt động bảo hiểm đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các đơn vị kinh tế, doanh nghiệp bảo hiểm phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.

PO3: Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả; đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng và số hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động bảo hiểm.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành bảo hiểm; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo hiểm có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tại các đơn vị, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình nghiệp vụ chuyên môn ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm trong các đơn vị, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thị trường tài chính trong bối cảnh của chung của nền kinh tế	**3**
		PI 2.1: Áp dụng các kiến thức lý thuyết chung về kinh tế, tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ… để giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn nền kinh tế thị trường.	3
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành bảo hiểm để phân tích, đánh giá tình hình kinh tế và thị trường.	3
3	**PLO3**	Áp dụng các kiến thức chuyên ngành chung về tài chính bảo hiểm trong thực hiện các hoạt động nghề nghiệp	**3**
		PI 3.1: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành chung về tài chính, bảo hiểm để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong các doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm	3
		PI 3.2: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành chung về tài chính, bảo hiểm để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội an sinh xã hội, bảo hiểm thương mại trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm xã hội…	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
4		**Định hướng đào tạo: Tài chính bảo hiểm (modul 1)**	
	PLO4.01	Tổng hợp, phân tích số liệu tài chính, đánh giá và cải tiến hoạt động tài chính, bảo hiểm một cách có hiệu quả.	**4**
		PI 4.1.01: Phân tích, đánh giá số liệu tài chính, báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm để đưa ra các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định quản lý.	4
		PI 4.2.01: Đề xuất cải tiến hoạt động tài chính, bảo hiểm trong doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm, một cách có hiệu quả.	4
		Định hướng đào tạo: Định phí bảo hiểm (modul 2)	
	PLO4.02	Tổng hợp, phân tích số liệu rủi ro, đánh giá và cải tiến hoạt động định phí bảo hiểm một cách có hiệu quả.	**4**
		PI 4.1.02: Phân tích dữ liệu về tổn thất, định phí bảo hiểm, điều chỉnh phí bảo hiểm để đảm bảo tính bền vững tài chính cho các công ty bảo hiểm.	4
		PI 4.2.02: Đánh giá, cải tiến hoạt động định phí bảo hiểm trong doanh nghiệp, đơn vị một cách có hiệu quả.	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, bảo hiểm để thực hiện và tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh doanh bảo hiểm, bảo hiểm xã hội.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Phân tích, kiểm tra, đánh giá các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế bảo hiểm	**3**
		PI 8.1: Vận dụng các kiến thức chung về tài chính, ngân hàng để phân tích các nghiệp vụ trong các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức kinh tế…	3
		PI 8.2: Vận dụng các kiến thức chung về bảo hiểm để đánh giá, phân tích, kiểm tra, rà soát, quản trị các nghiệp vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức, tổ chức kinh tế…	3
9	**PLO9**	Phối hợp thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực bảo hiểm, xây dựng được các báo cáo liên quan đến công tác chuyên môn có tính logic, hợp lý, hiệu quả.	**3**
		PI 9.1: Phối hợp triển khai, phân tích, theo dõi đánh giá tình hình và hoạt động kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tín dụng trong lĩnh vực kinh tế bảo hiểm	3
		PI 9.2: Xây dựng các báo cáo liên quan đến công tác chuyên môn có tính logic, hợp lý, hiệu quả.	3
		Định hướng đào tạo: Tài chính bảo hiểm (modul 1)	
10	**PLO10.01**	Thiết lập và quản lý các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tài chính bảo hiểm, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tài chính bảo hiểm.	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 10.1.01: Thiết lập và quản lý hợp đồng bảo hiểm, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, quản lý quỹ đầu tư, tổ chức công tác kế toán và lập các báo cáo tài chính, đánh giá tình hình tài chính và phân tích những vấn đề đặc thù trong cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	4
		PI 10.2.01: Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4
		Định hướng đào tạo: Định phí bảo hiểm (modul 2)	
	PLO10.02	Kết hợp kỹ năng phân tích tổng hợp và tư duy hệ thống để giải quyết các vấn đề cụ thể: mô hình hoá các dữ liệu phức tạp nhằm mục đích xác định xu thế và đánh giá rủi ro; đưa ra các bước cần thực hiện để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của rủi ro…	**4**
		PI 10.1.02: Mô hình hoá các dữ liệu phức tạp nhằm mục đích xác định xu thế và đánh giá rủi ro trong hoạt động bảo hiểm.	4
		PI 10.2.02: Đề xuất các giải pháp để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của rủi ro trong hoạt động bảo hiểm.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Bảo hiểm có thể đảm nhiệm công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm, các tổ chức tín dụng, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp hỗ trợ bảo hiểm, các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài nước.

- ***Tại các công ty bảo hiểm:***

Vị trí: Tư vấn viên bảo hiểm, chuyên viên tư vấn tài chính, chuyên viên giám định bảo hiểm, chuyên viên giám sát, nhân viên phát triển sản phẩm bảo hiểm, nhân viên quản trị rủi ro và bảo hiểm, Đại diện dịch vụ khách hàng, Chuyên viên giám định tổn thất; Giám định bồi thường, Chuyên viên giải quyết quyền lợi bảo hiểm, Chuyên viên định phí bảo hiểm, Thẩm định bảo hiểm

- ***Tại khối các các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm như***: Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp;

Vị trí: Chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm…và các vị trí chuyên môn khác về kinh tế, tài chính, bảo hiểm.

- ***Tại các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng:*** Công ty bảo hiểm, Ngân hàng thương mại; Quỹ tín dụng, công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty tài chính; …và các tổ chức tài chính quốc tế…

Vị trí: chuyên viên định phí bảo hiểm, chuyên viên giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chuyên viên thẩm định bảo hiểm, chuyên viên quan hệ khách hàng, quản lý rủi ro, giám định tổn thất, giám định bồi thường, ...

- ***Tại khối các doanh nghiệp:*** Công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia…

Vị trí: chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm...

- ***Tại khối các cơ quan nghiên cứu, tư vấn:*** học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các trung tâm tư vấn tài chính độc lập…

Vị trí: giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia, tư vấn viên…

- Trên thị trường tài chính - tiền tệ trong nước và quốc tế: Chuyên gia tài chính, nhà môi giới, chuyên gia phân tích rủi ro, Nhà đầu tư cá nhân…

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học;

Có khả năng học tiếp thuận tiện các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**											
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về các nghiệp vụ bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm, thị trường bảo hiểm, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ của ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực bảo hiểm trong bối cảnh nền kinh tế số.	x											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của bảo hiểm để thực hiện, thiết kế, vận hành, đánh giá/cải tiến hoạt động bảo hiểm đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các đơn vị kinh tế, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.		x	x	x								

PO3	Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả; đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng và số hóa.					x	x	x					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động bảo hiểm.								x	x	x		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành bảo hiểm; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *50 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *39 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *9 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình

độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT,TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**4**		
003283	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
001351	2. Xác suất thống kê	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**5**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002337	2. Kỹ năng nghề nghiệp – Bảo hiểm	TCNH&BH	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
002969	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**23**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		16		
000564	Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000681	Lý thuyết hạch toán kế toán	KT-KT	3	(39, 12, 90)	x
001109	Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001957	Nguyên lý bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001717	Kế toán doanh nghiệp	KT-KT	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 7TC trong các học phần)		**7**		
000568	Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000567	Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001153	Quản trị doanh nghiệp	QT-Mar	3	(39, 12, 90)	x
003384	Pháp luật kinh doanh quốc tế	TCNH&BH	2	(26, 8, 60)	
001601	Quản trị rủi ro	QT-Mar	3	(39, 12, 90)	
003386	Kinh tế quốc tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
000484	Marketing căn bản	QT-Mar	2	(26, 8, 60)	
001666	Kế toán quản trị	KT-KT	3	(39, 12, 90)	
000493	Quản trị học	QT-Mar	2	(26, 8, 60)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002440	Kinh doanh quốc tế	QTKD	3	(39, 12, 90)	
001715	Hệ thống thông tin quản lý	QT-Mar	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**49**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**34**		
000531	Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
000524	Ngân hàng thương mại	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001394	Thực hành Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
001112	Thực hành Ngân hàng thương mại	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
000913	Tiểu luận 1	TCNH&BH	2	(0, 60, 60)	x
002338	An sinh xã hội	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001583	Bảo hiểm xã hội	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002339	Bảo hiểm nhân thọ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002343	Thực hành Bảo hiểm nhân thọ	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
001588	Bảo hiểm thương mại	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002341	Phân tích tài chính doanh nghiệp BH	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001594	Tiểu luận 2	TCNH&BH	2	(0, 60, 60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 15TC trong các học phần)		**15**		
001393	Thị trường chứng khoán	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
000533	Tài chính quốc tế	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003486	Tiếng Anh chuyên ngành-BH	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002346	Tái bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003390	Bảo hiểm tiền gửi	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002342	Bảo hiểm hàng hải	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003391	Văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh ngành bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002340	Bảo hiểm phi nhân thọ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003392	Bảo hiểm y tế	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003393	Bảo hiểm thất nghiệp	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003394	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003395	Pháp luật an sinh xã hội	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Modun)*				
	2.3.1. ***Modun 1: Tài chính bảo hiểm***		***26***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		9		
002345	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001586	Thực hành Bảo hiểm thương mại	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
002344	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
002352	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003396	Giám định và bồi thường bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003488	Quản trị rủi ro tài chính trong DN Bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003389	Tài chính cá nhân	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
001577	Quản lý danh mục đầu tư	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003397	Phân tích và dự báo	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002349	**Thực Tập Cuối Khóa - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**5**	(0, 300, 0)	x
002350	**Khóa luận tốt nghiệp - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**9**	(0, 540, 0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		**9**		
003398	1. Chuyên đề Tài chính bảo hiểm 1	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003399	2. Chuyên đề Tài chính bảo hiểm 2	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003400	3. Chuyên đề Tài chính bảo hiểm 3	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
	2.3.2. ***Modun 2: Định phí bảo hiểm***		***26***		
	2.3.2.1. Kiến thức bắt buộc		9		
002348	Quản trị rủi ro bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003401	Định giá và dự phòng trong bảo hiểm ngắn hạn	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
002347	Thực hành Bảo hiểm xã hội	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
	2.3.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001584	Định phí bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
003396	Giám định và bồi thường bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002352	Đầu tư tài chính bảo hiểm	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003402	Toán cho định phí bảo hiểm và quản trị rủi ro	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
003403	Các mô hình tổn thất trong bảo hiểm ngắn hạn	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
002349	**Thực Tập Cuối Khóa - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**5**	(0, 300, 0)	x
002350	**Khóa luận tốt nghiệp - Bảo hiểm**	TCNH&BH	**9**	(0, 540, 0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		**9**		
003404	1. Chuyên đề Định phí bảo hiểm 1	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003405	2. Chuyên đề Định phí bảo hiểm 2	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x
003406	3. Chuyên đề Định phí bảo hiểm 3	TCNH&BH	3	(0,180,0)	x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:
  - Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
  - Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
  - Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.
- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long